

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 415/2026/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, căn cước công dân số 001164002672 do Cục cảnh sát cấp ngày 25/12/2023.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1957, căn cước công dân số 001157011919 do Cục cảnh sát cấp ngày 10/7/2021.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991, căn cước công dân số 001191020952 cấp ngày 10/5/2021.

Nơi cư trú: Tổ B phường L, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Thông nhất chuyển giao nghĩa vụ trả nợ theo Giấy ghi nợ 15/10/2018 DL của bà Đặng Thị L1 đối với bà Nguyễn Thị L sang cho chị Nguyễn Thanh H.

Xác định số tiền nợ theo Giấy ghi nợ 15/10/2018 DL chị Nguyễn Thanh H đã trả cho bà Nguyễn Thị L 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nên chỉ còn nợ số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) này chị Nguyễn Thanh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L theo lộ trình như sau: Từ tháng 6/2026 đến tháng 3/2027, chậm nhất vào ngày 25 của mỗi tháng chị Nguyễn Thanh H có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị L số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Trong quá trình thực hiện lộ trình trả nợ nói trên mà chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại bất kỳ thời điểm nào thì bà L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án để thu hồi toàn bộ số tiền chị H chưa thanh toán cho bà tại thời điểm vi phạm (bao gồm cả phần chưa đến hạn thanh toán theo thỏa thuận) và kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán chị H còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền còn phải thi hành theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận thỏa thuận của các bên không yêu cầu giải quyết về số tiền đã thanh toán cho nhau và không yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền nợ gốc còn lại.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000 đồng nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên còn phải chịu $1/2 = 750.000$ đồng (B trăm năm mươi nghìn đồng). Các đương sự thống nhất để bà Đặng Thị L1 chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được ghi nhận. Bà Đặng Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà là người cao tuổi, có lời khai xin miễn án phí cho bà phù hợp với quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn nghĩa vụ nộp tiền án phí cho bà Đặng Thị L1 .

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bà thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên đã được miễn nộp tạm ứng án phí do vậy không phải giải quyết tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh